

Số: 125/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1994. Căn cước công dân số 051194012xxx do Cục C về TTXH cấp ngày 16/8/2021;

- Bị đơn: anh Lê Văn T1, sinh năm 1997. Căn cước công dân số 049097013xxx do Cục C về TTXH cấp ngày 27/6/2021;

Cùng địa chỉ: thôn S, xã P, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Lê Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê An Y, sinh ngày 14/9/2024.

Các đương sự thống nhất giao con chung là Lê An Y cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 9 năm 2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Bá T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: về ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), về cấp dưỡng là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) Chị Lê Thị T tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002103 ngày 09/9/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 9 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đà Nẵng;
- UBND xã Phước Trà, thành phố Đà Nẵng
(Giấy Chứng nhận kết hôn số 05 ngày 17/3/2025 của
UBND xã Sông Trà, huyện Hiệp Đức - cũ);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Zơ Râm Quốc Sinh